

Số: 109/LĐLĐ

Kon Tum, ngày 08 tháng 5 năm 2020

“V/v báo cáo sơ kết hoạt động
công đoàn 6 tháng đầu năm 2020”

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động huyện, thành phố;
- Công đoàn ngành và tương đương;
- Nhà Văn hóa lao động tỉnh.

Thực hiện chương trình công tác năm 2020 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Kon Tum, để có cơ sở xây dựng báo cáo sơ kết hoạt động công đoàn, phong trào CNVCLĐ tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2020 báo cáo Tỉnh ủy Kon Tum, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Liên đoàn Lao động tỉnh Kon Tum yêu cầu các cấp công đoàn như sau:

1. Báo cáo sơ kết hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm và dự kiến phương hướng nhiệm vụ công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020 của đơn vị (có đề cương và mẫu thống kê số liệu được đăng tải trên Trang TTĐT LĐLĐ tỉnh ở mục Tra cứu văn bản).

Yêu cầu các đơn vị báo cáo ngắn gọn, có số liệu cụ thể chứng minh kết quả hoạt động, có đánh giá, nhận định về hoạt động công đoàn, phong trào CNVCLĐ và ước kết quả đạt được đến hết tháng 6 năm 2020; nêu những khó khăn, kiến nghị, đề xuất.

2. Thời gian gửi báo cáo về LĐLĐ tỉnh trước ngày **15/5/2020** để tổng hợp theo dõi chung.

Liên đoàn Lao động tỉnh Kon Tum đề nghị các cấp công đoàn nghiêm túc thực hiện đúng thời gian quy định, đồng thời gửi kèm file văn bản về địa chỉ mail: hoakontum1976@gmail.com./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VP, VPTH.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nghiêm Xuân Bang

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Phần thứ I

I. TÌNH HÌNH CNVCLĐ - ĐV CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

- Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, đơn vị và những tác động trực tiếp đến CNVCLĐ và hoạt động công đoàn.
- Số lượng CNVCLĐ (trong đó phản ánh số CNLĐ khu vực ngoài nhà nước, nữ, người dân tộc thiểu số); số lượng đoàn viên (trong đó số đoàn viên khu vực ngoài nhà nước nếu có, số nữ, người dân tộc thiểu số, số phát triển mới so với cùng kỳ năm trước); số CĐCS, NĐ (trong đó số CĐCS, NĐ thuộc khu vực ngoài nhà nước, số phát triển mới so với cùng kỳ năm trước).
- Tình hình việc làm, tiền lương, nhà ở, điều kiện lao động; tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của công nhân, viên chức, lao động.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Căn cứ các chương trình công tác của đơn vị để đánh giá, phân tích, làm rõ những kết quả đã đạt được trong 06 tháng đầu năm, những hạn chế, nguyên nhân cần khắc phục theo các nội dung sau:

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên và người lao động; các hoạt động xã hội của Công đoàn.

- Nêu kết quả công tác nghiên cứu, tham gia góp ý xây dựng hoàn thiện các chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến đoàn viên và người lao động.
- Công tác phối hợp với chính quyền đồng cấp giải quyết các chế độ, chính sách và tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CNVCLĐ.
- Kết quả thực hiện chương trình "Nâng cao chất lượng hoạt động Công đoàn cơ sở"; kết quả tổ chức Hội nghị Cán bộ công chức, Hội nghị người lao động năm 2020¹. Có số liệu so với cùng kỳ năm trước.
- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, công đoàn tại các doanh nghiệp nhằm phát hiện các vi phạm, giải quyết những khó khăn vướng mắc, góp phần chăm lo, bảo vệ quyền lợi của người lao động, xây dựng mối quan hệ hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.
- Nêu cụ thể số liệu, nguyên nhân những phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ lao động như: Đình công, ngừng việc tập thể, tranh chấp lao động (nếu có).
- Kết quả phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo vi phạm chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ.
- Kết quả hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý của Công đoàn; công tác phối hợp tham gia dạy nghề, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, giải quyết việc làm.
- Tỷ lệ CNVCLĐ tham gia đóng góp tiền, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà "Mái ấm công đoàn"; các hoạt động chăm lo đời sống cho đối tượng chính sách, đoàn viên, CNVCLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo dịp Tết Nguyên đán, Tháng Công nhân...

¹ Nghị định 60/NĐ/2013-CP của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện QCDC ở cơ sở tại nơi làm việc, Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Vận động, tham gia đóng góp, ủng hộ quỹ xã hội từ thiện các cấp, các ngành địa phương.

- Hiệu quả việc sử dụng vốn vay giải quyết việc làm, vốn phụ nữ nghèo...

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên và người lao động, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.

- Công tác tuyên truyền, tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, lịch sử trọng đại của địa phương, của đất nước năm 2020. Công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ; tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với học tập chuyên đề năm 2020 về "Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Tuyên truyền trong CNVC LĐ và nhân dân về phòng, chống dịch Covid - 19 theo sự chỉ đạo của Chính phủ; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Tổng LĐLĐ Việt Nam.

- Số cuộc, số người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là pháp luật về lao động và công đoàn.

- Kết quả hoạt động Tháng Công nhân năm 2020.

- Kết quả triển khai nhiệm vụ xây dựng cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 2019.

- Kết quả hoạt động của Nhà văn hóa Lao động tỉnh: Phản ánh kết quả, số lượng, chất lượng các hoạt động phong trào, dịch vụ.

- Công tác vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; tham gia cải cách hành chính; phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

3. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, CNVCLĐ.

- Số lượng tập thể và cá nhân đăng ký thực hiện các phong trào thi đua do công đoàn, các cấp, các ngành phát động; các phong trào thi đua gắn với thực hiện việc đăng ký, học tập và làm theo theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Số lượng đăng ký thực hiện các công trình, sản phẩm chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương.

- Công tác biểu dương, khen thưởng, nêu gương điển hình các cá nhân, tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua; việc đăng ký, triển khai áp dụng đề tài, sáng kiến kỹ thuật...

- Công tác đăng ký, xét công nhận "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa".

- Nêu những cách làm hay, làm mới trong phong trào thi đua ở cơ sở.

4. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn và đội ngũ cán bộ công đoàn; công tác tham gia phát triển Đảng, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

- Kết quả phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở 6 tháng đầu năm 2020.

- Số liệu cụ thể phát triển đảng viên, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Số liệu CNVCLĐ được kết nạp đảng.

- Nêu những việc cụ thể của công đoàn thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW và chức năng tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ công đoàn; vận động CNVCLĐ học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

5. Công tác nữ công.

- Nêu số liệu cụ thể về tuyên truyền về công tác nữ, về giới, bình đẳng giới.
- Các hoạt động truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, về xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc, giáo dục bảo vệ trẻ em con CNVCLĐ.

- Công tác triển khai thực hiện phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" gắn với phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc".

- Kết quả tham gia xây dựng, phản biện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến lao động nữ và bình đẳng giới.

- Hoạt động chăm lo nữ CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn.

- Kết quả việc triển khai hoạt động cho vay vốn xoay vòng ở cơ sở.

- Tình hình tổ chức sinh hoạt của Tổ, Ban nữ công các cấp công đoàn; hoạt động của Câu lạc bộ Nữ công công đoàn cấp trên cơ sở.

6. Công tác tài chính, tài sản công đoàn.

- Công tác thu chi, quản lý tài chính, tài sản công đoàn. Tỷ lệ thu kinh phí công đoàn, nhất là ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước; những vướng mắc, khó khăn.

- Công tác phối hợp với cơ quan Thuế đồng cấp thực hiện việc thu kinh phí công đoàn.

- Đánh giá tình hình thực hiện việc phân cấp thu kinh phí công đoàn toàn diện, triệt để cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; đánh giá công tác quản lý tài chính của các cấp công đoàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát về tài chính, tài sản công đoàn.

7. Hoạt động của Ủy ban kiểm tra (Có báo cáo riêng của Ủy ban kiểm tra).

8. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Nêu cụ thể những việc đã làm của Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành công đoàn của đơn vị trong 6 tháng đầu năm 2020.

III. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những khuyết điểm, hạn chế

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Phần thứ II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Từ thực tiễn tình hình phong trào công nhân, viên chức, lao động, hoạt động Công đoàn của ngành, địa phương; căn cứ Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội X Công đoàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình; chương trình công tác công đoàn năm 2020 của địa phương, đơn vị; chương trình công tác năm 2020 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh để đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm cho phù hợp; đồng thời đề ra các giải pháp sớm khắc phục những hạn chế yếu kém được chỉ ra.

2. Nêu những kiến nghị, đề xuất với cấp ủy, chính quyền và công đoàn cấp trên.

Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:
 Đơn vị báo cáo:

MẪU SỐ 2-HĐCĐ

(Dùng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Liên đoàn lao động tỉnh thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU
 VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
 NĂM**

(Số liệu tính đến ngày: 31/5/2020)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình lao động				
	1. Lao động			
1	Tổng số lao động	người		
	- Trong đó: nữ	"		
	2. Việc làm			
2.	Số lao động thiếu việc làm	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
3.	Số lao động nữ thiếu việc làm	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%		
	3. Tiền lương			
4.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động	đồng		
	+ Số người được tính	người		
5.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước	đồng		
	+ Số người được tính	người		
6.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các đơn vị sự nghiệp	đồng		
	+ Số người được tính	người		
7.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước	đồng		
	+ Số người được tính	người		
8.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước	đồng		
	+ Số người được tính	người		
9.	Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	đồng		

	+ Số người được tính	người		
10.	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	doanh nghiệp		
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%		
11.	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	đồng		
	4. Nhà ở			
12.	Số người được nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp bố trí nhà ở	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động			
13.	Số người phải tự thuê nhà ở	"		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động			
	5. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			
14.	Số lao động được ký hợp đồng lao động	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
15.	Số lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
16.	Số doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	doanh nghiệp		
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%		
17.	Số tiền doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	đồng		
	6. Tranh chấp lao động tập thể, đình công			
18.	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ		
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:			
19.	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
20.	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	"		
21.	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"		
	- Chia theo nguyên nhân tranh chấp lao động tập thể, đình công:			
22.	+ Về quyền	vụ		
23.	+ Về lợi ích	"		
24.	+ Về quyền và lợi ích	"		
25.	+ Về các nguyên nhân khác	"		
	7. Công tác an toàn, vệ sinh lao động			
26.	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ		

	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:			
27.	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
28.	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	"		
29.	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"		
30.	Số vụ tai nạn chết người	"		
	- Chia theo loại hình doanh nghiệp:			
31.	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
32.	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	"		
33.	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"		
34.	Số người chết	người		
35.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp	"		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
	8. Thỏa ước lao động tập thể			
36.	Số doanh nghiệp có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp		
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%		
37.	Số doanh nghiệp nhà nước có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%		
38.	Số doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	- Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước	%		
39.	Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tổ chức công đoàn có thỏa ước lao động tập thể	doanh nghiệp		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	%		
	9. Thực hiện quy chế dân chủ			
40.	Số cơ quan hành chính nhà nước có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số cơ quan hành chính nhà nước	%		
41.	Số đơn vị sự nghiệp công lập có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức	đơn vị		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	%		
42.	Số doanh nghiệp nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động	doanh nghiệp		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp nhà nước	%		
43.	Số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có tổ	doanh		Chỉ tiêu NQ

	chức hội nghị người lao động	ngành		ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn	%		
44.	Số doanh nghiệp có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc với người lao động	doanh nghiệp		
	+ Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%		
45.	Số đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	đơn vị		
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
46.	Số đơn vị có quy chế dân chủ	đơn vị		
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		

II. Chăm lo, bảo vệ lợi ích cho đoàn viên và người lao động

47.	Số trung tâm, văn phòng, tổ tư vấn pháp luật thuộc công đoàn cấp tỉnh, ngành	đơn vị		Chỉ tiêu NQ ĐH X
48.	Số người được tư vấn	người		
49.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
50.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
51.	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	đồng		
52.	Số đoàn viên và người lao động được khám sức khỏe định kỳ	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
53.	Số đoàn viên và người lao động bị xâm phạm về quyền, lợi ích được công đoàn bảo vệ	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		

III. Công tác thi đua

	1. Sáng kiến			
54.	Số đơn vị có sáng kiến	đơn vị		
	+ Tỷ lệ so với tổng số đơn vị	%		
55.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
56.	Giá trị làm lợi	đồng		
57.	Tiền thưởng sáng kiến	"		
	2. Công trình sản phẩm thi đua			
58.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
59.	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	đồng		
	3. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua"			
60.	Cấp cơ sở	người		

61.	- Trong đó: nữ	"		
62.	Cấp tỉnh, thành phố, bộ, ngành Trung ương, TLD	"		
63.	- Trong đó: nữ	"		
64.	Cấp toàn quốc	"		
65.	- Trong đó: nữ	"		
4. Danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"				
66.	Số người đạt danh hiệu "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
1. Tuyên truyền, giáo dục				
67.	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục	CĐCS		
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%		
68.	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc		
69.	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
2. Văn hóa, thể thao				
70.	Số công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	CĐCS		
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%		
71.	Số cuộc hội thảo, hội diễn văn nghệ do công đoàn chủ trì hoặc tham gia tổ chức	cuộc		
72.	Số lượt người tham gia	người		
3. Học tập nâng cao trình độ, kỹ thuật nghề nghiệp				
73.	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động	%		
74.	Số đoàn viên và người lao động là nữ được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
	+ Tỷ lệ so với tổng số lao động nữ	%		
4. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng				
75.	Số công đoàn cơ sở có giới thiệu đoàn viên công đoàn	CĐCS		Chỉ tiêu NQ

	ưu tú cho tổ chức Đảng			ĐH X
	+ Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%		
76.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng	người		Chỉ tiêu NQ ĐH X
77.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	người		Chỉ tiêu NQ ĐH X
V. Công tác nữ công				
78.	Số công đoàn cơ sở có ban nữ công quần chúng	CĐCS		
	- Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%		
79.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng	người		
VI. Hoạt động xã hội				
	1. Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm do tổ chức công đoàn quản lý			
80.	Số vốn đang sử dụng	đồng		
81.	Số người được hỗ trợ giải quyết việc làm	người		
	2. Quỹ trợ vốn cho lao động nghèo tự tạo việc làm			
82.	Số tiền cho vay	đồng		
83.	Số người được vay vốn	người		
	3. Quỹ "Mái ấm công đoàn" do tổ chức công đoàn quản lý			
84.	Số tiền đã sử dụng	đồng		
85.	Số nhà "Mái ấm công đoàn"	nhà		
86.	Số người được giúp đỡ	người		
	4. Quỹ "Vi nữ công nhân, lao động nghèo" do tổ chức công đoàn quản lý			
87.	Số tiền cho vay	đồng		
88.	Số người được giúp đỡ	người		
	5. Các loại quỹ khác do tổ chức công đoàn quản lý			
89.	Số tiền đã sử dụng	đồng		
90.	Số người được giúp đỡ	người		
VII. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ				
91.	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ theo quy định pháp luật	cuộc		
92.	Số cuộc công đoàn tham gia kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ đối với lao động nữ	cuộc		
VIII. Công tác tổ chức				
	1. Đơn vị HCSN, doanh nghiệp			

93.	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên	"		Chỉ tiêu NQ ĐH X
94.	Số đơn vị HCSN, doanh nghiệp đã đi vào hoạt động và có từ 30 lao động trở lên đã thành lập công đoàn cơ sở	"		Chỉ tiêu NQ ĐH X
	2. Đoàn viên công đoàn			
95.	- Tổng số đoàn viên công đoàn	người		
96.	Trong đó: + nữ	"		
97.	Tổng số đoàn viên kết nạp mới	"		Chỉ tiêu NQ ĐH X
98.	Tổng số đoàn viên giảm	"		
99.	Tổng số đoàn viên tăng (giảm) thực tế	"		
	3. Tổ chức bộ máy công đoàn			
100.	Số công đoàn cơ sở	CĐCS		
	Trong đó:			
101.	- Cơ quan hành chính nhà nước	CĐCS		
102.	- Đơn vị sự nghiệp công lập	"		
103.	- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	"		
104.	- Doanh nghiệp nhà nước	"		
105.	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước	"		
106.	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"		
107.	- Hợp tác xã	"		
108.	Số nghiệp đoàn	NĐ		
109.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		
	4. Cán bộ công đoàn			
110.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách	người		
111.	Trong đó: - Nữ	"		
	Chia ra:			
112.	- Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương	"		
113.	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	"		
114.	- Công đoàn cơ sở	"		
115.	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách	"		
116.	- Trong đó: Nữ	"		
117.	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp	"		
118.	- Trong đó: Nữ	"		
119.	Số cán bộ nữ công công đoàn cấp trên cơ sở	"		

	5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
120.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	người		
121.	- Trong đó: Nữ	"		
122.	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	"		
123.	Số cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	"		
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ công đoàn chủ chốt	%		
124.	Số cán bộ nữ công đoàn cấp trên cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới	người		
	- Tỷ lệ so với tổng số cán bộ nữ công đoàn cấp trên cơ sở	%		
	6. Kết quả xếp loại công đoàn cơ sở vững mạnh			
125.	Tỷ lệ công đoàn cơ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đạt tiêu chuẩn "Công đoàn cơ sở vững mạnh"	%		Chỉ tiêu NQ ĐH X
126.	Tỷ lệ công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt tiêu chuẩn "Công đoàn cơ sở vững mạnh"	"		Chỉ tiêu NQ ĐH X

Ngày tháng năm 20
TM. BAN THƯỜNG VỤ